

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002525

Trang : 1/1

Môn học: **Tiếng Anh giao tiếp qua điện thoại (224336) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **14/01/2023**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **A206**

Đ: 19
H: 0

Số SV có mặt: 19

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1 <i>Ng. T.T. Hoa</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Ng. T. Văn</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Nguyễn Thị Nguyệt Hoa</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Ng. T. Văn</i>
---	---------------------------------------	---	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120240120	ĐINH THỊ HIỀN DỊU	06/09/2002	CCQ2024E			<i>Đinh Thị Hiền</i>	9.0	74	80	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2120240033	ĐINH HƯƠNG GIANG	02/12/2001	CCQ2024B			<i>Đinh Hương</i>	8.6	92	90	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2120240035	LÊ NGUYỄN THANH HÀ	09/10/2001	CCQ2024B			<i>Lê Nguyễn Thanh Hà</i>	8.9	90	90	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2120240066	NGUYỄN THỊ THU HÀ	20/12/2002	CCQ2024C			<i>Nguyễn Thị Thu Hà</i>	6.1	59	60	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2120240037	HỒ THỊ THU HIỀN	26/01/2002	CCQ2024B			<i>Hồ Thị Thu Hiền</i>	7.9	56	65	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2120240126	TRƯƠNG MINH KHOA	14/09/2002	CCQ2024E			<i>Trương Minh Khoa</i>	8.1	77	79	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2120240048	HOÀNG THUY TUYẾT MAI	20/12/2002	CCQ2024B			<i>Hoàng Thuy Tuyết Mai</i>	6.7	40	51	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2120240130	LÊ QUỐC NAM	31/07/2001	CCQ2024E			<i>Lê Quốc Nam</i>	8.6	57	69	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2120240071	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG NAM	01/08/2002	CCQ2024C			<i>Nguyễn Hoàng Phương Nam</i>	8.8	80	83	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2120240133	NGUYỄN THỊ BÉ NGOAN	27/06/2002	CCQ2024E			<i>Nguyễn Thị Bé Ngoan</i>	8.3	45	60	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2120240134	TRẦN THU NGUYỆT	07/03/2002	CCQ2024E			<i>Trần Thu Nguyệt</i>	8.9	87	88	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2120240223	ĐỖ THỊ TUYẾT NHI	07/09/2002	CCQ2024G			<i>Đỗ Thị Tuyết Nhi</i>	7.9	56	65	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2120240214	PHAN TRẦN DIỄM QUỲNH	10/01/2002	CCQ2024E			<i>Phan Trần Diễm Quỳnh</i>	9.7	67	79	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2120240165	PHAN THỊ NGỌC THU	30/09/2002	CCQ2024F			<i>Phan Thị Ngọc Thu</i>	8.3	68	74	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2120240142	VÕ THỊ HOÀI THU	06/05/2000	CCQ2024E			<i>Võ Thị Hoài Thu</i>	7.8	71	74	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2120240219	TRƯƠNG THANH THỦY	15/11/2002	CCQ2024F			<i>Trương Thanh Thủy</i>	7.9	83	81	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2120240168	ĐẶNG THỊ CẨM TIỀN	05/05/2002	CCQ2024F			<i>Đặng Thị Cẩm Tiên</i>	8.4	73	77	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2120240081	LÊ THỊ KIM TRANG	18/04/2002	CCQ2024C			<i>Lê Thị Kim Trang</i>	9.3	81	86	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2120240215	NGUYỄN MINH TRÍ	05/04/2002	CCQ2024E			<i>Nguyễn Minh Trí</i>	6.2	75	70	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2120240119	HỒ THỊ THANH TUYỀN	27/05/2002	CCQ2024D			<i>Hồ Thị Thanh Tuyền</i>	0	—	—	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9